



ADJEKTIVE

Các tính từ thông dụng của trình độ A1

+	nghĩa	-	nghĩa
jung	trẻ	alt	già
neu	mới	alt	cũ
früh	sớm	spät	muộn
groß	to	klein	nhỏ
gut	tốt	schlecht	tồi
richtig	đúng	falsch	sai
schwer	nặng	leicht	nhẹ
gesund	khỏe	krank	ốm
kalt	lạnh	heiß	nóng
viel	nhều	wenig	ít
schnell	nhanh	langsam	chậm





teuer	đắt	billig	rẻ
lang	dài	kurz	ngắn
nah	gần	weit	xa
fleißig	chăm chỉ	faul	lười
hell	sáng	dunkel	tối
klar	rõ ràng	unklar	không rõ ràng
klug	thông minh	dumm	ngu ngốc
reich	giàu	arm	nghèo
sauber	sạch	schmutzig	bẩn
zufrieden	hài lòng	unzufrieden	không hài lòng
positiv	tích cực	negativ	tiêu cực
einfach	dễ	schwierig	khó
.....

Các bạn hãy cố gắng học thuộc những tính từ trên nhé!!





Übung 1: Hoàn thành các chỗ trống trong bảng sau khi đã học thuộc các tính từ trên:

+	nghĩa	-	nghĩa
	trẻ		già
neu			cũ
	sớm	spät	
groß			nhỏ
	tốt	schlecht	
	đúng	falsch	sai
schwer	nặng		nhẹ
gesund			ốm
kalt	lạnh		nóng
	nhiều		
schnell			





teuer	đắt		chậm
		kurz	
nah			xa
			lười
	sáng	dunkel	
	rõ ràng		
klug	thông minh		ngu ngốc
reich		arm	nghèo
	sạch	schmutzig	
	hài lòng		
positiv			tiêu cực
			khó

Các bạn hãy check lại đáp án với bảng trên sau khi đã hoàn thành nhé!!!





Übung 2: Gạch chân dưới các tính từ và cho biết nghĩa của chúng là gì:

- 1. Der Stuhl ist zu hart, und ungemütlich.**
- 2. Die Katze ist so klein, lieb und lustig.**
- 3. Das Wetter ist nass und kalt.**
- 4. Der Tiger ist schnell und gefährlich.**
- 5. Die Mutter ist froh und zufrieden.**

Các bạn hãy tra từ điển với các tính từ chưa biết nhé!!

- 1. hart, ungemütlich.**
- 2. klein, lieb, lustig.**
- 3. nass, kalt.**
- 4. schnell, gefährlich.**
- 5. froh, zufrieden.**

Übung 3: Chọn tính từ thích hợp cho mỗi trường hợp sau:

- 1. Die Vase ist kaputt/krank/schnell.**
- 2. Das Obst ist frisch/gesund/klug.**
- 3. Die Biene ist schnell/ süß/ böse.**
- 4. Die Tasche ist klein/ klug/ müde.**
- 5. Herr Muller ist böse/ schnell/alt.**



6. Tante Emma ist krank/ kaputt/ sauber.
7. Das Auto ist faul/ fleißig/ sauber.
8. Patrick ist klein/ teuer/schön.
9. Das Gewicht ist schwer/ doof/ lecker.
10. Karl ist faul/ schmutzig/ lieb.
11. Das Tier ist klein/ laut/ traurig.
12. Karla ist spät/ müde/ klar.

Lösung

- | | |
|-----------|-----------|
| 1. kaputt | 7. sauber |
| 2. frisch | 8. schön |
| 3. süß | 9. schwer |
| 4. klein | 10. faul |
| 5. alt | 11. klein |
| 6. krank | 12. müde |

Übung 4: Nhìn vào bức ảnh để trả lời các câu hỏi sau:



- zß. Ist das Mädchen sehr schnell?
- Ja, sie ist sehr schnell.



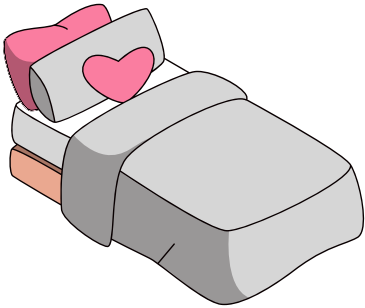


1. Ist der Fernseher neu?

-.....

2. Ist der Mann froh?

-.....



3. Ist das Bett unbequem?

-.....

4. Ist die Giraffe sehr hoch?

-.....



5. Ist das Haus schlecht?

-.....

6. Ist Lisa arm?

-.....





7. Ist Jacky laut?

-.....

**8. Ist der Junge
sauber?**

-.....



Lösung

1. Nein, er ist sehr alt. / Nein, er ist nicht neu.
2. Ja, er ist sehr froh.
3. Nein, es ist sehr bequem. / Nein, es ist nicht unbequem.
4. Ja, sie ist sehr hoch.
5. Nein, es ist sehr schön. / Nein, es ist nicht schlecht.
6. Ja, sie ist arm.
7. Ja, er ist laut.
8. Nein, er ist schmutzig. / Nein, er ist nicht sauber.

